

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2021

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: tổ 10, khu phố N4, phường C, thành phố T, Phú Yên (D7, đường T, phường C, thành phố T, Phú Yên).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thiên T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: tổ 10, khu phố N4, phường C, thành phố T, Phú Yên (D7, đường T, phường C, thành phố T, Phú Yên).

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Q) và chị Nguyễn Thị Thiên T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2016 cho đến nay, chúng tôi đã sống ly thân. Nay thấy cuộc sống không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể hòa hợp nên tôi làm đơn xin được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 12/3/2015. Hiện cháu K đang sống cùng tôi, cháu S đang sống cùng chị T. Để ổn định cuộc sống của con, tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi nuôi cháu K, chị T nuôi cháu S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bị đơn. Về con chung, xin nuôi cháu K, cháu S giao chị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn bị đơn, giao cháu Nguyễn Minh Khang cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh Sang cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thiên T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Thiên T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào năm 2010; là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như đương sự đã trình bày, mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến ai. Xét thấy: Nguyên đơn, bị đơn đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 12/3/2015. Hiện cháu K đang sống cùng nguyên đơn, cháu S đang sống cùng bị đơn; do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con và phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi, HĐXX chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giao cháu K cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu S cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Thiên T.

- Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/01/2012 cho ông Nguyễn Minh Q trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là

Nguyễn Minh S, sinh ngày 12/3/2015 cho bà Nguyễn Thị Thiên T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001401 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường 9, TP. Tuy Hòa;
- (Giấy CNKH số 101 ngày 08/9/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Công Hạnh

Đào Thị Ngâm

Trần Lê Mai